

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1607/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/7/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3278/TTr-SLĐTBXH ngày 16/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, xã niêm yết, công khai thực hiện.

2. Thực hiện rà soát Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

- Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận (trừ Danh mục thủ tục hành chính về chính sách bảo hiểm thất nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận vẫn còn hiệu lực theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh);

- Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Lao động, tiền lương, việc làm và Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 23/2/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Người có công, việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 8/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 713/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bãi bỏ trong lĩnh vực phòng, chống Tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội, Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động và lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH NINH THUẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC VIỆC LÀM				
1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không thu phí	Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	02 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Như trên -	- Lệ phí: 400.000 đ/HS (Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 củ UBND tỉnh) - Nộp hồ sơ trực tuyến: lệ phí 200.000 đ/HS. (QĐ số 02/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023)	Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	Như trên -	- Lệ phí: 300.000 đ/HS (Quyết định số 65/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 củ UBND tỉnh) - Nộp hồ sơ trực tuyến: lệ phí 150.000 đ/HS. (QĐ số 02/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023)	Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Như trên -	- Lệ phí: 300.000 đ/HS (Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 củ UBND tỉnh) - Nộp hồ sơ trực tuyến: lệ phí 150.000 đ/HS. (QĐ số 02/2023/QĐ-UBND ngày 09/01/2023)	Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
6	Xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 1560/QĐ-LĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2021
8	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). - Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2021
9	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	05 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2021
10	Thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	03 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2021

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 572/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 5 năm 2021
II QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC					
12	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không thu phí	Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
13	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
14	Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nông cao tay nghề dưới 90 ngày	07 ngày (kể từ khi nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định).	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 58/QĐ-LĐTBXH ngày 26/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
III	LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG				
15	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.	60 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 1255/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm - An toàn lao động
IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG				
16	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	20 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không thu phí	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
17	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện UBND cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	07 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	- Như trên -	Không thu phí	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III)	60 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 1255/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Việc làm - An toàn lao động
19	Đăng ký Nội quy lao động của Doanh nghiệp	07 ngày làm việc	- Như trên -	Không	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
20	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
21	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	- Như trên -	Không	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
22	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	<p>- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 22 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 27 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p>	- Như trên -	Không	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
23	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp).	- Như trên -	Không	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
24	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	- Như trên -	Không	Quyết định số 338/QĐ-LĐTBXH ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
V	LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG				
25	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Không quá 05 ngày (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 1549/QĐ-LĐTBXH ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
26	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	25 ngày làm việc	- Như trên -	1.200.000 đ (theo quy định tại Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính).	Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 09/10/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
27	<p>Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung phạm vi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 25 ngày làm việc. - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trong trường hợp bị hỏng, mất, cấp đổi tên: 10 ngày làm việc. 	<p>- Như trên -</p>	<p>-Trường hợp gia hạn: 1.200.000 đ</p> <p>-Trường hợp sửa đổi, bổ sung,: 500.000 đ</p> <p>-Trường hợp cấp lại, đổi tên: không</p> <p>(theo quy định tại Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính).</p>	<p>Quyết định số 1380/QĐ-LĐTBXH ngày 09/10/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.</p>
28	<p>Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định</p>	<p>- Như trên -</p>	<p>Không</p>	<p>Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
29	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Như trên -	Không	Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020
30	Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Như trên -	Không	Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				
31	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
32	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
33	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	16 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
34	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	10 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐXBH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
35	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐXBH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
36	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐXBH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
37	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTĐXBH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
38	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
39	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	- 10 ngày làm việc đối với các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 8 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP); - 03 ngày làm việc đối với trường hợp đổi tên doanh nghiệp	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
40	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
41	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
42	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
43	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	07 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
44	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
45	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
46	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH
47	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	- Như trên -	không	Quyết định số 445/QĐ-LĐTBXH ngày 30/5/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
48	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
49	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
50	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
51	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
52	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
53	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
54	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
55	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐT BXH
56	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐT BXH
57	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Như trên -	Không	Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐT BXH
VII	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
58	Giai quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐT BXH ngày 15/01/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐT BXH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được hưởng chế độ ưu đãi nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ : 12 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.			
59	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	- 12 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở LĐTB&XH nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở LĐTB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ. - 17 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở LĐTB&XH nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở LĐTB&XH nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
60	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
61	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
62	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
63	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	104 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, hồ sơ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
64	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
65	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
66	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
67	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 204 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương: Trên 207 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>				
68	<p>Lập số theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý</p>	<p>42 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
69	<p>Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý</p>	<p>17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
70	<p>Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình</p>	<p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
71	<p>Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ</p>	<p>17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
72	<p>Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng</p>	<p>37 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
73	<p>Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 84 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 89 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
74	<p>Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học</p>	<p>96 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
75	<p>Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày</p>	<p>24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
76	<p>Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế</p>	<p>24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
77	<p>Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng</p>	<p>24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
78	<p>Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</p>	<p>- 24 ngày đối với trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý.</p>	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- 15 ngày làm việc đối với trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý.			
79	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
80	Hưởng lại chế độ ưu đãi	12 ngày kể từ ngày nhận được đơn theo quy định	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
81	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	- Đối với trợ cấp một lần và mai táng: 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định - Đối với trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng: + 31 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp đủ điều kiện. + 43 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp còn từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng.	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
82	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
83	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	-Như trên-	-Như trên-	Quyết định số 627/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH
84	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	24 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ	-Như trên-	-Như trên-	Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15/01/2022 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH
85	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	12 kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
86	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	10 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
87	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	09 ngày làm việc từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
VIII	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI				
88	Thủ tục “Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	không	Quyết định số 1789/QĐ - LĐTBXH, ngày 13/12/2018 của Bộ LĐTB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
89	Thủ tục “Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”	15 ngày làm việc	-Như trên-	không	Quyết định số 1789/QĐ - LĐTBXH, ngày 13/12/2018 của Bộ LĐTB&XH
90	Thủ tục “Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”.	11 ngày làm việc	-Như trên-	không	Quyết định số 1593/QĐ - LĐTBXH, ngày 10/10/2017 của Bộ LĐTB&XH
91	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở TGXH cấp tỉnh, cấp huyện	34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh	Đối với cấp tỉnh: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Không	Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021 của Bộ LĐTB&XH
92	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Tiếp nhận ngay	Trung tâm CTXH tỉnh, số 33 Cao Bá Quát, phường Thanh Sơn, TP.PRTC, tỉnh Ninh Thuận	-Như trên-	
93	Dừng TGXH tại cơ sở TGXH cấp tỉnh, cấp huyện	07 ngày làm việc	Trung tâm CTXH tỉnh, số 33 Cao Bá Quát, phường Thanh Sơn, TP.PRTC, tỉnh Ninh Thuận	-Như trên-	
94	Thủ tục “Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật”.	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	không	Quyết định số 1938/QĐ - LĐTBXH, ngày 31/12/2015 của Bộ LĐTB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
95	Thủ tục “Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em”.	03 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	không	Quyết định số 101/QĐ - LĐTĐXH, ngày 22/01/2016 của Bộ LĐTB&XH
IX LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI					
96	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	không	Quyết định số 470/QĐ - LĐTĐXH, ngày 3/6/2022 của Bộ LĐTB&XH
97	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	không	Quyết định số 470/QĐ - LĐTĐXH, ngày 3/6/2022 của Bộ LĐTB&XH
98	Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy	-Nhu trên-	không	Quyết định số 470/QĐ - LĐTĐXH, ngày 3/6/2022 của Bộ LĐTB&XH
99	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	không	Quyết định số 1724/QĐ - LĐTĐXH, ngày 24/05/2015 của Bộ LĐTB&XH
100	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	không	Quyết định số 1724/QĐ - LĐTĐXH, ngày 24/05/2015 của Bộ LĐTB&XH
101	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	không	Quyết định số 1724/QĐ - LĐTĐXH, ngày 24/05/2015 của Bộ LĐTB&XH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
102	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Như trên-	không	Quyết định số 1724/QĐ - LĐTĐXH, ngày 24/05/2015 của Bộ LĐTĐ&XH
103	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Như trên-	không	Quyết định số 1724/QĐ LĐTĐXH, ngày 24/05/2015 của Bộ LĐTĐ&XH

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG				
1	Thăm viếng mộ liệt sĩ	06 ngày làm việc từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện	Không	Quyết định số 108/QĐ-LĐTĐXH ngày 15/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
II	LĨNH VỰC TỆ NẠN XÃ HỘI				
1	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	không	Quyết định số 470/QĐ LĐTĐXH, ngày 3/6/2022
2	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	không	Quyết định số 470/QĐ LĐTĐXH, ngày 3/6/2022
3	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp huyện	không	Quyết định số 470/QĐ LĐTĐXH, ngày 3/6/2022

4	Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	11 ngày làm việc	UBND cấp xã, UBND cấp huyện	không	Quyết định số 1724/QĐ-LĐTBXH, ngày 24/05/2015
III LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI					
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	27 ngày làm việc tiếp nhận đối với đối tượng vào cơ sở cấp huyện	UBND các huyện, thành phố	Không	Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021
2	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	22 ngày làm việc	UBND cấp xã; Phòng LĐTBXH, Chủ tịch UBND cấp huyện	Không	Quyết định số 292/QĐ-LĐTBXH ngày 16/3/2023
3	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	06 ngày làm việc	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021
4	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	08 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã nơi đối tượng cư trú mới nhận được hồ sơ của đối tượng (do phòng LĐTBXH nơi cư trú cũ của đối tượng gửi đến)	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
5	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-

6	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
7	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
8	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc (kể từ khi Chủ tịch UBND huyện nhận được đề nghị của Chủ tịch UBND xã)	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
09	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	05 ngày làm việc	Phòng LĐTBXH huyện, thành phố	không	Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2018
10	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	15 ngày làm việc	Phòng LĐTBXH huyện, thành phố	không	Quyết định số 1789/QĐ-LĐTBXH ngày 13/12/2018
11	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	15 ngày làm việc	Phòng LĐTBXH huyện, thành phố	không	Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017

12	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	15 ngày	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố	không	-Như trên-
IV LĨNH VỰC TRẺ EM					
01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	Cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp, cơ quan công an các cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã.	Không	Quyết định số 847/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2017
02	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Đổi với trường hợp chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em tại cơ sở trợ giúp xã hội để chuyển đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cá nhân có thẩm quyền quyết định chấm dứt việc chăm sóc trẻ em tại cơ sở trợ giúp xã hội và gửi quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Quyết định số 847/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2017

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG					
1	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 627/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
II LĨNH VỰC TỆ NẠN XÃ HỘI					
1	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	UBND cấp xã	không	Quyết định số 470/QĐ – LĐTBXH, ngày 3/6/2022
2	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	03 ngày làm việc	UBND cấp xã	không	Quyết định số 1724/QĐ LĐTBXH, ngày 24/05/2015
III LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI- GIẢM NGHÈO					
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2021
2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	35 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 1938/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2015

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	-Như trên-	-Như trên-
4	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	-Như trên-	Quyết định số 1593/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/10/2017
5	Thủ tục đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	02 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016
6	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm	(Thời gian rà soát từ ngày 01/9-14/12 của năm)	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
7	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	UBND cấp xã	Không	- Như trên-
8	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	UBND cấp xã	Không	- Như trên-
9	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	UBND cấp xã	Không	- Như trên-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
IV	LĨNH VỰC TRẺ EM				
1	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	07 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Quyết định số 847/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/6/2017
2	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc giao, nhận trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	UBND cấp xã	Không	- Như trên-
3	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao quyết định cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	UBND cấp xã	Không	- Như trên-
4	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Như trên-